

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 6 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

**Đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh) và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 3722/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh) và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh, huyện Vân Canh;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 239/TTr-STC ngày 27/5/2022.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, với nội dung chính như sau:

- Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư phục vụ dự án Mở rộng đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh) và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh, huyện Vân Canh.

- Chủ đầu tư: Ban Giải phóng mặt bằng.

- Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch:

a. Vị trí và phạm vi ranh giới: Khu đất quy hoạch thuộc thôn An Long 2 và một phần thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định, có giới cận như sau:

+ Phía Đông giáp: Suối hiện trạng và điểm dân cư hiện trạng;

+ Phía Tây giáp: Đất sản xuất nông nghiệp;

+ Phía Nam giáp: Kè Sông Hà Thanh;

+ Phía Bắc giáp: Khu dân cư hiện trạng và Quốc lộ 19C.

b. Tổng diện tích quy hoạch điều chỉnh, mở rộng khoảng: 10,02 ha.

- Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế lập đồ án quy hoạch: Công ty TNHH Lê Nguyễn.

- Thời gian thực hiện: Năm 2020.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**  
**1. Nguồn vốn đầu tư**

Đơn vị tính: đồng.

| TT               | Nội dung                             | Dự toán được duyệt | Giá trị quyết toán |
|------------------|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                      | <b>61.576.000</b>  | <b>60.008.000</b>  |
| 1                | Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch       | 6.692.000          | 6.692.000          |
| 2                | Chi phí lập đồ án quy hoạch          | 42.719.000         | 42.719.000         |
| 3                | Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch | 1.216.000          | 1.216.000          |
| 4                | Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch    | 4.776.000          | 4.776.000          |
| 5                | Chi phí quản lý lập đồ án quy hoạch  | 4.116.000          | 3.559.000          |
| 6                | Chi phí công bố quy hoạch            | 1.281.000          |                    |
| 7                | Chi phí lấy ý kiến cộng đồng         | 776.000            | 546.000            |
| 8                | Chi phí quyết toán dự án hoàn thành  |                    | 500.000            |

**2. Nguồn vốn**

Đơn vị tính: đồng.

| Nội dung               | Dự toán được duyệt | Thực hiện          |                     |                           |                     |
|------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|---------------------------|---------------------|
|                        |                    | Giá trị quyết toán | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân | Số vốn phải thu hồi |
| <b>Tổng số</b>         | <b>61.576.000</b>  | <b>60.008.000</b>  | <b>59.508.000</b>   | <b>500.000</b>            |                     |
| Vốn ngân sách nhà nước | <b>61.576.000</b>  | <b>60.008.000</b>  | <b>59.508.000</b>   | <b>500.000</b>            |                     |
| Năm 2021               | 61.576.000         | 60.008.000         | 59.508.000          | 500.000                   |                     |

**3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:** không.

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:**

- a. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.
- b. Chi phí không tạo nên tài sản: **60.008.000 đồng** (Sáu mươi triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng).

**5. Vật tư thiết bị tổn đọng:** không

**Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

**a. Trách nhiệm của chủ đầu tư:** được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng.

| TT             | Nội dung                        | Số tiền           | Ghi chú |
|----------------|---------------------------------|-------------------|---------|
| <b>Tổng số</b> |                                 | <b>60.008.000</b> |         |
| <b>I</b>       | <b>Vốn đã được thanh toán</b>   | <b>59.508.000</b> |         |
|                | Vốn Ngân sách tỉnh năm 2021     | 59.508.000        |         |
| <b>II</b>      | <b>Vốn chưa được thanh toán</b> | <b>500.000</b>    |         |

- Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán là:
- + Tổng nợ phải thu: 0 đồng;
- + Tổng nợ phải trả: 500.000 đồng (*Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành*).

**b. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản: không.

**Điều 4.** Ban GPMB tỉnh triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như điều 5;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**